

Số: 110/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 09 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đổi tên thôn (xóm), tổ dân phố của các đơn vị hành chính cấp xã
hình thành sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông
tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8
năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của
thôn, tổ dân phố; Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23 tháng 5 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng
dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 174/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị đổi tên thôn (xóm), tổ dân phố của các đơn vị
hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh năm 2024; Báo cáo
thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đổi tên 180 thôn (xóm), tổ dân phố của 16 đơn vị hành chính cấp
xã hình thành sau sắp xếp thuộc thành phố Nam Định và các huyện: Hải Hậu,
Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Giao Thủy.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khóa XIX, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh, Báo Nam Định;
- Website Chính phủ, website tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

7/02/25

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính



Phụ lục

DANH SÁCH ĐỔI TÊN THÔN (XÓM), TỔ DÂN PHỐ CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên thôn (xóm), tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã cũ	Tên thôn, (xóm), tổ dân phố sau khi đổi tên thuộc đơn vị hành chính cấp xã mới
I. THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH (72 tổ dân phố)		
1	Tổ dân phố số 05, phường Vị Xuyên	Tổ dân phố số 07, phường Vị Xuyên
2	Tổ dân phố số 04, phường Vị Xuyên	Tổ dân phố số 08, phường Vị Xuyên
3	Tổ dân phố số 03, phường Vị Xuyên	Tổ dân phố số 09, phường Vị Xuyên
4	Tổ dân phố số 02, phường Vị Xuyên	Tổ dân phố số 10, phường Vị Xuyên
5	Tổ dân phố số 01, phường Vị Xuyên	Tổ dân phố số 11, phường Vị Xuyên
6	Tổ dân phố số 01, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 12, phường Vị Xuyên
7	Tổ dân phố số 02, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 13, phường Vị Xuyên
8	Tổ dân phố số 03, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 14, phường Vị Xuyên
9	Tổ dân phố số 04, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 15, phường Vị Xuyên
10	Tổ dân phố số 05, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 16, phường Vị Xuyên
11	Tổ dân phố số 06, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 17, phường Vị Xuyên
12	Tổ dân phố số 07, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 18, phường Vị Xuyên
13	Tổ dân phố số 08, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 19, phường Vị Xuyên
14	Tổ dân phố số 09, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 20, phường Vị Xuyên
15	Tổ dân phố số 10, phường Trần Tế Xương	Tổ dân phố số 21, phường Vị Xuyên
16	Tổ dân phố số 01, phường Thống Nhất	Tổ dân phố số 11, phường Quang Trung
17	Tổ dân phố số 02, phường Thống Nhất	Tổ dân phố số 12, phường Quang Trung
18	Tổ dân phố số 03, phường Thống Nhất	Tổ dân phố số 13, phường Quang Trung
19	Tổ dân phố số 04, phường Thống Nhất	Tổ dân phố số 14, phường Quang Trung
20	Tổ dân phố số 05, phường Thống Nhất	Tổ dân phố số 15, phường Quang Trung
21	Tổ dân phố số 06, phường Thống Nhất	Tổ dân phố số 16, phường Quang Trung
22	Tổ dân phố số 07, phường Thống Nhất	Tổ dân phố số 17, phường Quang Trung
23	Tổ dân phố số 08, phường Thống Nhất	Tổ dân phố số 18, phường Quang Trung
24	Tổ dân phố số 07, phường Quang Trung	Tổ dân phố số 19, phường Quang Trung
25	Tổ dân phố số 06, phường Quang Trung	Tổ dân phố số 20, phường Quang Trung
26	Tổ dân phố số 05, phường Quang Trung	Tổ dân phố số 21, phường Quang Trung
27	Tổ dân phố số 04, phường Quang Trung	Tổ dân phố số 22, phường Quang Trung
28	Tổ dân phố số 03, phường Quang Trung	Tổ dân phố số 23, phường Quang Trung
29	Tổ dân phố số 02, phường Quang Trung	Tổ dân phố số 24, phường Quang Trung
30	Tổ dân phố số 01, phường Quang Trung	Tổ dân phố số 25, phường Quang Trung
31	Tổ dân phố số 1, phường Nguyễn Du	Tổ dân phố số 5, phường Trần Hưng Đạo
32	Tổ dân phố số 2, phường Nguyễn Du	Tổ dân phố số 6, phường Trần Hưng Đạo
33	Tổ dân phố số 3, phường Nguyễn Du	Tổ dân phố số 7, phường Trần Hưng Đạo
34	Tổ dân phố số 4, phường Nguyễn Du	Tổ dân phố số 8, phường Trần Hưng Đạo
35	Tổ dân phố số 5, phường Nguyễn Du	Tổ dân phố số 9, phường Trần Hưng Đạo
36	Tổ dân phố số 1, phường Phan Đình Phùng	Tổ dân phố số 10, phường Trần Hưng Đạo
37	Tổ dân phố số 2, phường Phan Đình Phùng	Tổ dân phố số 11, phường Trần Hưng Đạo
38	Tổ dân phố số 3, phường Phan Đình Phùng	Tổ dân phố số 12, phường Trần Hưng Đạo
39	Tổ dân phố số 4, phường Phan Đình Phùng	Tổ dân phố số 13, phường Trần Hưng Đạo
40	Tổ dân phố số 5, phường Phan Đình Phùng	Tổ dân phố số 14, phường Trần Hưng Đạo
41	Tổ dân phố số 6, phường Phan Đình Phùng	Tổ dân phố số 15, phường Trần Hưng Đạo

STT	Tên thôn (xóm), tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã cũ	Tên thôn, (xóm), tổ dân phố sau khi đổi tên thuộc đơn vị hành chính cấp xã mới
47	Tổ dân phố số 06, phường Trần Đăng Ninh	Tổ dân phố số 13, phường Cửa Bắc
45	Tổ dân phố số 04, phường Trần Đăng Ninh	Tổ dân phố số 14, phường Cửa Bắc
46	Tổ dân phố số 05, phường Trần Đăng Ninh	Tổ dân phố số 15, phường Cửa Bắc
43	Tổ dân phố số 02, phường Trần Đăng Ninh	Tổ dân phố số 16, phường Cửa Bắc
44	Tổ dân phố số 03, phường Trần Đăng Ninh	Tổ dân phố số 17, phường Cửa Bắc
42	Tổ dân phố số 01, phường Trần Đăng Ninh	Tổ dân phố số 18, phường Cửa Bắc
48	Tổ dân phố số 01, phường Bà Triệu	Tổ dân phố số 19, phường Cửa Bắc
50	Tổ dân phố số 03, phường Bà Triệu	Tổ dân phố số 20, phường Cửa Bắc
49	Tổ dân phố số 02, phường Bà Triệu	Tổ dân phố số 21, phường Cửa Bắc
51	Tổ dân phố số 05, phường Bà Triệu	Tổ dân phố số 22, phường Cửa Bắc
52	Tổ dân phố số 1, phường Trần Quang Khải	Tổ dân phố số 8, phường Năng Tĩnh
53	Tổ dân phố số 2, phường Trần Quang Khải	Tổ dân phố số 9, phường Năng Tĩnh
54	Tổ dân phố số 3, phường Trần Quang Khải	Tổ dân phố số 10, phường Năng Tĩnh
55	Tổ dân phố số 4, phường Trần Quang Khải	Tổ dân phố số 11, phường Năng Tĩnh
56	Tổ dân phố số 5, phường Trần Quang Khải	Tổ dân phố số 12, phường Năng Tĩnh
57	Tổ dân phố số 6, phường Trần Quang Khải	Tổ dân phố số 13, phường Năng Tĩnh
58	Tổ dân phố số 7, phường Trần Quang Khải	Tổ dân phố số 14, phường Năng Tĩnh
59	Tổ dân phố số 1, phường Ngô Quyền	Tổ dân phố số 15, phường Năng Tĩnh
60	Tổ dân phố số 2, phường Ngô Quyền	Tổ dân phố số 16, phường Năng Tĩnh
61	Tổ dân phố số 3, phường Ngô Quyền	Tổ dân phố số 17, phường Năng Tĩnh
62	Tổ dân phố số 4, phường Ngô Quyền	Tổ dân phố số 18, phường Năng Tĩnh
63	Tổ dân phố số 01, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 12, phường Trường Thi
64	Tổ dân phố số 02, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 13, phường Trường Thi
65	Tổ dân phố số 03, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 14, phường Trường Thi
66	Tổ dân phố số 04, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 15, phường Trường Thi
67	Tổ dân phố số 05, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 16, phường Trường Thi
68	Tổ dân phố số 06, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 17, phường Trường Thi
69	Tổ dân phố số 07, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 18, phường Trường Thi
70	Tổ dân phố số 08, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 19, phường Trường Thi
71	Tổ dân phố số 09, phường Văn Miếu	Tổ dân phố số 20, phường Trường Thi
72	Tổ dân phố Trại, phường Trường Thi	Tổ dân phố số 21, phường Trường Thi

II. HUYỆN HẢI HẬU (33 xóm)

1	Xóm 7, xã Hải Cường	Xóm 13, xã Hải Xuân
2	Xóm 6, xã Hải Cường	Xóm 14, xã Hải Xuân
3	Xóm 5, xã Hải Cường	Xóm 15, xã Hải Xuân
4	Xóm 4, xã Hải Cường	Xóm 16, xã Hải Xuân
5	Xóm 3, xã Hải Cường	Xóm 17, xã Hải Xuân
6	Xóm 2, xã Hải Cường	Xóm 18, xã Hải Xuân
7	Xóm 1, xã Hải Cường	Xóm 19, xã Hải Xuân
10	Xóm 3, xã Hải Vân	Xóm 13, xã Hải Nam
11	Xóm 4, xã Hải Vân	Xóm 14, xã Hải Nam
12	Xóm 5, xã Hải Vân	Xóm 15, xã Hải Nam
13	Xóm 6, xã Hải Vân	Xóm 16, xã Hải Nam
14	Xóm 7, xã Hải Vân	Xóm 17, xã Hải Nam
15	Xóm 8, xã Hải Vân	Xóm 18, xã Hải Nam
16	Xóm 9, xã Hải Vân	Xóm 19, xã Hải Nam
9	Xóm 2, xã Hải Vân	Xóm 20, xã Hải Nam
8	Xóm 1, xã Hải Vân	Xóm 21, xã Hải Nam
17	Xóm 3, xã Hải Lý	Xóm 13, thị trấn Cồn
18	Xóm 5, xã Hải Lý	Xóm 12, thị trấn Cồn

STT	Tên thôn (xóm), tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã cũ	Tên thôn, (xóm), tổ dân phố sau khi đổi tên thuộc đơn vị hành chính cấp xã mới
19	Xóm 6, xã Hải Lý	Xóm 11, thị trấn Cồn
20	Xóm 7, xã Hải Lý	Xóm 8, thị trấn Cồn
21	Xóm E, Văn Lý, xã Hải Lý	Xóm Văn Lý, thị trấn Cồn
22	Xóm 5, xã Hải Chính	Xóm Tang Văn, thị trấn Cồn
23	Xóm 7, xã Hải Phương	Xóm 8, thị trấn Yên Định
24	Xóm 1, xã Hải Phương	Xóm 13, thị trấn Yên Định
25	Xóm 4, xã Hải Phương	Xóm 14, thị trấn Yên Định
26	Xóm 2, xã Hải Phương	Xóm 15, thị trấn Yên Định
27	Xóm 3, xã Hải Phương	Xóm 16, thị trấn Yên Định
28	Xóm 6, xã Hải Phương	Xóm 17, thị trấn Yên Định
29	Xóm 5, xã Hải Phương	Xóm 18, thị trấn Yên Định
30	Xóm 4, xã Hải Bắc	Xóm 19, thị trấn Yên Định
31	Xóm 8, xã Hải Bắc	Xóm 20, thị trấn Yên Định
32	Xóm 10, xã Hải Bắc	Xóm 21, thị trấn Yên Định
33	Xóm 12, xã Hải Bắc	Xóm 22, thị trấn Yên Định

III. HUYỆN NGHĨA HƯNG (23 thôn (xóm))

1	Xóm 1, xã Nghĩa Tân	Xóm Giáp Nhất Bắc, thị trấn Quý Nhất
2	Xóm 2, xã Nghĩa Tân	Xóm 10, thị trấn Quý Nhất
3	Xóm 3, xã Nghĩa Tân	Xóm Giáp Tư Bắc, thị trấn Quý Nhất
4	Xóm 4, xã Nghĩa Tân	Xóm Giáp Tư Nam, thị trấn Quý Nhất
5	Xóm 5, xã Nghĩa Tân	Xóm Giáp Ba, thị trấn Quý Nhất
6	Xóm 6, xã Nghĩa Tân	Xóm Nam Thôn, thị trấn Quý Nhất
7	Xóm 7, xã Nghĩa Tân	Xóm Giáp Nhì, thị trấn Quý Nhất
8	Xóm 8, xã Nghĩa Tân	Xóm Giáp Nhất Nam, thị trấn Quý Nhất
9	Thôn 1, xã Nghĩa Đồng	Thôn Phú Cốc, xã Đồng Thịnh
10	Thôn 2, xã Nghĩa Đồng	Thôn Cốc Thành Đoài, xã Đồng Thịnh
11	Thôn 3, xã Nghĩa Đồng	Thôn Cốc Thành Đông, xã Đồng Thịnh
12	Thôn 4, xã Nghĩa Đồng	Thôn Lộng Điền, xã Đồng Thịnh
13	Thôn 5, xã Nghĩa Đồng	Thôn Trang Túc Đông, xã Đồng Thịnh
14	Thôn 6, xã Nghĩa Đồng	Thôn Trang Túc Đoài, xã Đồng Thịnh
15	Thôn 7, xã Nghĩa Đồng	Thôn Đông Lĩnh, xã Đồng Thịnh
16	Thôn 8, xã Nghĩa Đồng	Thôn Trần Hưng, xã Đồng Thịnh
17	Xóm 1, xã Nghĩa Minh	Xóm Đắc Ninh, xã Đồng Thịnh
18	Xóm 2, xã Nghĩa Minh	Xóm Đắc Khang, xã Đồng Thịnh
19	Xóm 3, xã Nghĩa Minh	Xóm Đắc Quý, xã Đồng Thịnh
20	Xóm 4, xã Nghĩa Minh	Xóm Đắc Phú, xã Đồng Thịnh
21	Xóm 5, xã Nghĩa Minh	Thôn Thượng Kỳ Tây, xã Đồng Thịnh
22	Xóm 6, xã Nghĩa Minh	Xóm Đông Mỹ, xã Đồng Thịnh
23	Xóm 7, xã Nghĩa Minh	Xóm Đông Bình, xã Đồng Thịnh

IV. HUYỆN XUÂN TRƯỜNG (38 xóm)

1	Xóm 1, xã Xuân Phương	Xóm 7, xã Trà Lũ
2	Xóm 2, xã Xuân Phương	Xóm 8, xã Trà Lũ
3	Xóm 3, xã Xuân Phương	Xóm 9, xã Trà Lũ
4	Xóm 4, xã Xuân Phương	Xóm 10, xã Trà Lũ
5	Xóm Bắc, xã Xuân Phương	Xóm 11, xã Trà Lũ
6	Xóm Nam, xã Xuân Phương	Xóm 12, xã Trà Lũ
7	Xóm 1, xã Xuân Trung	Xóm 13, xã Trà Lũ
8	Xóm 2, xã Xuân Trung	Xóm 14, xã Trà Lũ
9	Xóm 3, xã Xuân Trung	Xóm 15, xã Trà Lũ
10	Xóm 4, xã Xuân Trung	Xóm 16, xã Trà Lũ

STT	Tên thôn (xóm), tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã cũ	Tên thôn, (xóm), tổ dân phố sau khi đổi tên thuộc đơn vị hành chính cấp xã mới
11	Xóm 5, xã Xuân Trung	Xóm 17, xã Trà Lũ
12	Xóm 6, xã Xuân Trung	Xóm 18, xã Trà Lũ
13	Xóm 7, xã Xuân Trung	Xóm 19, xã Trà Lũ
14	Xóm 9, xã Xuân Tiến	Xóm 11, xã Xuân Phúc
15	Xóm 10, xã Xuân Tiến	Xóm 17, xã Xuân Phúc
16	Xóm 1, xã Xuân Kiên	Xóm 9, xã Xuân Phúc
17	Xóm 2, xã Xuân Kiên	Xóm 10, xã Xuân Phúc
18	Xóm 3, xã Xuân Kiên	Xóm 12, xã Xuân Phúc
19	Xóm 4, xã Xuân Kiên	Xóm 14, xã Xuân Phúc
20	Xóm 5, xã Xuân Kiên	Xóm 15, xã Xuân Phúc
21	Xóm 6, xã Xuân Kiên	Xóm 19, xã Xuân Phúc
22	Xóm 1, xã Xuân Phong	Xóm 7, xã Xuân Giang
23	Xóm 2, xã Xuân Phong	Xóm 8, xã Xuân Giang
24	Xóm 3, xã Xuân Phong	Xóm 9, xã Xuân Giang
25	Xóm 4, xã Xuân Phong	Xóm 10, xã Xuân Giang
26	Xóm 5, xã Xuân Phong	Xóm 11, xã Xuân Giang
27	Xóm 6, xã Xuân Phong	Xóm 12, xã Xuân Giang
28	Xóm 7, xã Xuân Phong	Xóm 13, xã Xuân Giang
29	Xóm 8, xã Xuân Phong	Xóm 14, xã Xuân Giang
30	Xóm 1, xã Xuân Đài	Xóm 15, xã Xuân Giang
31	Xóm 2, xã Xuân Đài	Xóm 16, xã Xuân Giang
32	Xóm 3, xã Xuân Đài	Xóm 17, xã Xuân Giang
33	Xóm 4, xã Xuân Đài	Xóm 18, xã Xuân Giang
34	Xóm 5, xã Xuân Đài	Xóm 19, xã Xuân Giang
35	Xóm 6, xã Xuân Đài	Xóm 20, xã Xuân Giang
36	Xóm 7, xã Xuân Đài	Xóm 21, xã Xuân Giang
37	Xóm 8, xã Xuân Đài	Xóm 22, xã Xuân Giang
38	Xóm 9, xã Xuân Đài	Xóm 23, xã Xuân Giang
V. HUYỆN GIAO THUY (14 xóm)		
1	Xóm 1, xã Giao Tiến	Xóm Đoàn Kết, thị trấn Giao Thủy
2	Xóm 2, xã Giao Tiến	Xóm Quyết Tiến 1, thị trấn Giao Thủy
3	Xóm 3, xã Giao Tiến	Xóm Quyết Tiến 2, thị trấn Giao Thủy
4	Xóm 4, xã Giao Tiến	Xóm Việt Hòa, thị trấn Giao Thủy
5	Xóm 5, xã Giao Tiến	Xóm Hưng Long, thị trấn Giao Thủy
6	Xóm 6, xã Giao Tiến	Xóm Bảo Chính, thị trấn Giao Thủy
7	Xóm 7, xã Giao Tiến	Xóm Chiến Thắng, thị trấn Giao Thủy
8	Xóm 8, xã Giao Tiến	Xóm Quyết Thắng, thị trấn Giao Thủy
9	Xóm 9, xã Giao Tiến	Xóm Thống Nhất, thị trấn Giao Thủy
10	Xóm 10, xã Giao Tiến	Xóm Sơn Hà, thị trấn Giao Thủy
11	Xóm 11, xã Giao Tiến	Xóm Thắng Lợi, thị trấn Giao Thủy
12	Xóm 12, xã Giao Tiến	Xóm Hùng Cường, thị trấn Giao Thủy
13	Xóm 13, xã Giao Tiến	Xóm Hùng Khang, thị trấn Giao Thủy
14	Xóm 14, xã Giao Tiến	Xóm Tiên Phong, thị trấn Giao Thủy
Tổng cộng:		180 thôn (xóm), tổ dân phố